



Số: 36/2026/VIX/QĐ-TGD

Hà Nội, ngày 13 tháng 07 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

V/v: Ban hành Biểu phí dịch vụ giao dịch chứng khoán

TỔNG GIÁM ĐỐC CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VIX

Căn cứ:

- Luật chứng khoán số 54/2019/QH14 và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thi hành;
- Thông tư 83/2024/TT-BTC được ban hành ngày 26/11/2024 hướng dẫn cơ chế, chính sách về giá dịch vụ trong lĩnh vực chứng khoán do Nhà nước định giá áp dụng tại Sở giao dịch chứng khoán Việt Nam và các Công ty con, Tổng Công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam;
- Các quy định của pháp luật hiện hành trong lĩnh vực chứng khoán;
- Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần chứng khoán VIX;
- Theo đề xuất của Trưởng phòng Nghiệp vụ.

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1: Ban hành Biểu phí Dịch vụ giao dịch chứng khoán áp dụng trên toàn hệ thống VIX.

(Chi tiết theo tài liệu đính kèm)

Điều 2: Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký và thay thế các Quyết định đã ban hành trước đó.

Điều 3: Các Ông/bà thành viên Ban điều hành và các phòng/ban, cá nhân khác có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Lưu HCNS



NGUYỄN TUẤN DŨNG



BIỂU PHÍ DỊCH VỤ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN

(áp dụng từ ngày 13/07/2026 kèm theo Quyết định số 36/2026/VIX/QĐ-TGD)

STT	Loại dịch vụ	Mức phí Mức phí đã bao gồm VAT (nếu có)	
1	Giao dịch chứng khoán		
1.1	Giao dịch cổ phiếu, chứng chỉ quỹ niêm yết trong ngày	Tại sàn/điện thoại	Online
	Dưới 100 triệu	0,3%	0,15%
	Từ 100 triệu đồng đến dưới 500 triệu đồng	0,25%	
	Từ 500 triệu đồng đến dưới 1 tỷ đồng	0,2%	
	Từ 1 tỷ đồng trở lên	0,15%	
1.2	Giao dịch trái phiếu	0,02%	
1.3	Phí áp dụng với dịch vụ thanh toán tiền giao dịch TPRL (phí này có thể thay đổi theo biểu phí của VCB trong từng thời kỳ)	11.000 đ/giao dịch	
2	Các giao dịch khác		
2.1	Mở tài khoản/đóng tài khoản	Miễn phí	
2.2	Phí ứng trước tiền bán chứng khoán	0,0375%/ngày	
2.3	Phí cho vay giao dịch ký quỹ	- Mức tiêu chuẩn: 13%/năm cho các gói cơ bản; - Mức khác: Theo thỏa thuận	
2.4	Phí gia hạn khoản vay giao dịch ký quỹ	Tối đa 0,44% dư nợ gia hạn	
2.5	Phí in sao kê/ xác nhận sổ dư (có đóng dấu)	3.300 đồng/ trang. Mức phí tối thiểu 110.000 đồng/lần	
2.6	Phí trích lục hồ sơ gốc	1.100.000đ/lần/chứng từ	
2.7	Phí xác nhận NĐT CN (Chỉ áp dụng với KH có TKGDCK tại VIX)	550.000 đ/lần/chứng từ	
2.8	Lưu ký chứng khoán (Thu hộ VSDC theo quy định của Bộ tài chính từng thời kỳ).		
	- Cổ phiếu, chứng chỉ quỹ, chứng quyền có bảo đảm	0,27 đồng/CP, CCQ, CQ có bảo đảm /tháng	
	- Trái phiếu doanh nghiệp	0,18 đồng/tháng/mã trái phiếu doanh nghiệp, tối đa 2.000.000 đồng/tháng/mã trái phiếu doanh nghiệp	
	- Công cụ nợ theo quy định tại Luật Quản lý nợ công	0,14 đồng/công cụ nợ theo quy định tại Luật Quản lý nợ công/tháng, tối đa 1.400.000 đồng/tháng/mã công cụ nợ	
2.9	Phí chuyển khoản phát sinh thực hiện thanh toán (thu hộ VSDC)	0,3 đồng/1 chứng khoán/1 lần chuyển khoản/1 mã chứng khoán, tối đa không quá 300.000 đồng/1 lần chuyển khoản/1 mã chứng khoán	
2.10	Phí chuyển khoản chứng khoán giữa các tài khoản của nhà đầu tư tại các thành viên lưu ký khác nhau	1 đồng/chứng khoán/1 lần chuyển khoản/1 mã chứng khoán, tối đa 1.100.000 đ/mã. Trường hợp tổng phí 1 lần chuyển khoản < 110.000 đồng thì phí phải nộp là: 110.000 đồng	
2.11	Phí chuyển quyền sở hữu chứng khoán ngoài hệ thống giao dịch của Sở giao dịch chứng khoán		
a	Chuyển quyền sở hữu chứng khoán (không bao gồm mục b và c)	0,1% giá trị chuyển quyền sở hữu + phí VSDC thu theo quy định BTC từng thời kỳ	
b	Chuyển quyền sở hữu đối với trái phiếu doanh nghiệp, công cụ nợ theo quy định tại Luật Quản lý nợ công	0,005% giá trị chuyển quyền sở hữu + phí VSDC thu theo quy định BTC từng thời kỳ	
c	Chuyển quyền sở hữu do thực hiện chào mua công khai	0,03% giá trị chuyển quyền sở hữu + phí VSDC thu theo quy định BTC từng thời kỳ	
2.12	Phí phong tỏa chứng khoán theo yêu cầu của nhà đầu tư	0,22% giá trị chứng khoán phong tỏa đối với cổ phiếu, chứng chỉ quỹ, chứng quyền có bảo đảm, tối thiểu 550.000đ, tối đa 22.000.000 đ/ mã chứng khoán. 0,022% giá trị chứng khoán phong tỏa đối với trái phiếu doanh nghiệp, công cụ nợ theo quy định tại Luật quản lý nợ công, tối thiểu 550.000đ, tối đa 22.000.000đ/mã chứng	

		khoản
2.13	Phí đăng ký biện pháp Bảo đảm	550.000 đồng/1 hồ sơ + phí VSDC thu theo quy định BTC từng thời kỳ
2.14	Phí thay đổi/sửa chữa/xóa đăng ký biện pháp Bảo đảm	550.000 đồng/1 hồ sơ + phí VSDC thu theo quy định BTC từng thời kỳ
2.15	Phí rút Chứng khoán	110.000 đồng/1 hồ sơ
2.16	Phí chuyển nhượng quyền mua CK phát hành thêm	1 đồng/chứng khoán/1 lần chuyển khoản/1 mã chứng khoán, tối đa 1.100.000 đ/mã. Trường hợp tổng phí 1 lần chuyển khoản < 110.000 đồng thì phí phải nộp là: 110.000 đồng
2.17	Các trường hợp khác chưa được quy định ở trên, sẽ áp dụng mức phí tùy từng trường hợp cụ thể.	

H CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VIX *H*
TỔNG GIÁM ĐỐC



[Signature]
TỔNG GIÁM ĐỐC
Nguyễn Tuấn Dũng